

Số: 117 /NQ-SPLT

Phủ Thọ, ngày 07 tháng 4 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

Phiên họp Hội đồng Quản trị lần thứ 11, nhiệm kỳ 2015 – 2020

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN SUPE PHỐT PHÁT VÀ HÓA CHẤT LÂM THAO

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hoá chất Lâm Thao;

Căn cứ Biên bản phiên họp HĐQT lần thứ 11, nhiệm kỳ 2015 – 2020 Công ty cổ phần Supe Phốt phát và Hoá chất Lâm Thao ngày 07/4/2016,

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua các báo cáo và tờ trình trình Đại hội đồng cổ đông TN năm 2016.

- Báo cáo của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát Công ty;
- Tờ trình báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2015, phương án phân phối lợi nhuận; chia cổ tức năm 2015 và các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2016;
- Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính 2016;
- Tờ trình sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động;
- Tờ trình về việc phát hành cổ phiếu tăng vốn Điều lệ từ nguồn quỹ đầu tư phát triển và quỹ khác thuộc Vốn chủ sở hữu;
- Tờ trình nhân sự HĐQT, Ban kiểm soát;
- Chương trình chi tiết Đại hội, các quy chế và các nội dung khác có liên quan đến công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.

Điều 2. Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh quý I/2016, các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu quý II/2016.

ST T	Chỉ tiêu	Quý I/2016	Đạt % so với		Quý II/2016
			Cùng kỳ	Kế hoạch năm	
1	Doanh thu (tỷ đồng)	1.004	72,39	20,16	1.187
2	Giá trị sản xuất công nghiệp theo giá thực tế (tỷ đồng)	1.035,418	94,88	21,83	1.155

3	Lợi nhuận (tỷ đồng)	38	38,53	8,72	45
4	Nộp ngân sách (tỷ đồng)	50,347	131,11	37,24	24,77
5	Giá trị thực hiện công tác đầu tư XD CB (tỷ đồng)	1,993	664,33	1,6	1,9

Điều 3. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án Đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất NPK số 4.

a) **Tên dự án:** Đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất NPK số 4 công suất 150.000 tấn/năm.

b) **Tổng mức đầu tư:**

<i>Tổng chi phí đầu tư của dự án:</i>	258.837.029.000	đồng
Trong đó :		
- Chi phí đầu tư xây dựng:	224.483.022.000	đồng
- Lãi vay:	7.836.140.000	đồng
- Vốn lưu động:	26.517.867.000	đồng
Cụ thể chi phí như sau:		
- Xây dựng:	78.907.788.000	đồng
- Thiết bị:	90.108.339.000	đồng
- Chi phí quản lý dự án:	2.637.778.000	đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	10.335.111.000	đồng
- Chi phí khác:	43.376.390.000	đồng
- Chi phí dự phòng:	33.451.623.000	đồng

c) **Nguồn vốn:** Vốn của chủ đầu tư và vốn vay thương mại:

d) **Tên chủ đầu tư:** Công ty CP Supe phốt phát và Hóa chất Lâm Thao.

đ) **Tổng thời gian thực hiện dự án:** 465 ngày.

e) **Địa điểm thực hiện dự án:** Tại Công ty cổ phần Supe phốt phát và Hoá chất Lâm Thao; Địa chỉ: Khu Phương Lai 6 - Thị trấn Lâm Thao - Huyện Lâm Thao – Tỉnh Phú Thọ;

II. PHẦN CÔNG VIỆC ĐÃ THỰC HIỆN

Biểu 1. Các gói thầu thuộc phần công việc đã thực hiện

Bảng số 1

STT	Nội dung công việc hoặc tên gói thầu	Đơn vị thực hiện	Giá trị (Triệu đồng)	Văn bản phê duyệt
1	Tư vấn lập dự án đầu tư (Tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi);	Công ty CP thiết kế Công nghiệp Hóa chất (CECO)	911,325	- Quyết định phê duyệt kết quả chỉ định thầu số 378/QĐ-SPLT ngày 18/7/2012; Hợp đồng số 134/HĐTV ngày 10/8/2012; Phụ lục hợp đồng số 01 ngày

STT	Nội dung công việc hoặc tên gói thầu	Đơn vị thực hiện	Giá trị (Triệu đồng)	Văn bản phê duyệt
				4/1/2013; Phụ lục hợp đồng số 02 ngày 8/1/2014; Phụ lục hợp đồng số 03 ngày 04/9/2015;
2	Tư vấn thẩm tra dự án đầu tư (Tư vấn thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi);	Công ty CP EHOME	241,342	- Quyết định phê duyệt kết quả chỉ định thầu số 497/QĐ-SPLT ngày 07/10/2013; - Hợp đồng số 210/HĐTV-XDCB ngày 10/10/2013; Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 12/2/2014; Phụ lục hợp đồng số 02 ngày 18/9/2015;
3	Khảo sát địa hình, địa chất công trình (phục vụ giai đoạn lập Thiết kế BVTC)	Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Phú Thọ	511,169	- Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu số 654/QĐ-SPLT ngày 16/11/2015; - Hợp đồng số 461/HĐ-XDCB ngày 20/11/2015; Phụ lục hợp đồng ngày 29/1/2016;
4	Tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	Trung tâm kỹ thuật môi trường - Công ty CP thiết kế Công nghiệp Hóa chất (CECO)	459,006	Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu số 686/QĐ-SPLT ngày 30/11/2015; - Hợp đồng số 441/TVĐTM-XDCB ngày 07/12/2015;
Tổng cộng giá trị hợp đồng hoặc giá trúng thầu: 2.122,842 triệu đồng				

III. PHẦN CÔNG VIỆC KHÔNG ÁP DỤNG ĐƯỢC MỘT TRONG CÁC HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Biểu 2. Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu.

Bảng số 2

TT	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Giá trị (Triệu đồng)
1	Quản lý dự án	Công ty CP Supe PP và HC Lâm Thao	1.846,445
2	Lập HSMT, đánh giá HSDT	Công ty CP Supe PP và HC Lâm Thao	268,934
3	Thẩm duyệt cấp phép PCCC	Công an Tỉnh Phú Thọ	219,016
4	Các công việc khác	Công ty CP Supe PP và HC Lâm Thao	479,362
5	Chạy thử	Công ty CP Supe PP và HC Lâm Thao	8.146,158
6	Thẩm định HSMT, kết quả đấu thầu	Công ty CP Supe PP và HC Lâm Thao	169,016

TT	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Giá trị (Triệu đồng)
7	Ứng dụng hệ thống thông tin công trình BIM	Công ty CP Supe PP và HC Lâm Thao	22,000
8	Giám sát đánh giá dự án ĐTXD công trình	Công ty CP Supe PP và HC Lâm Thao	263,778
9	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	Công ty CP Supe PP và HC Lâm Thao	229,961
10	Lãi vay trong thời gian xây dựng	Công ty CP Supe PP và HC Lâm Thao	7.123,764
11	Vốn lưu động ban đầu	Công ty CP Supe PP và HC Lâm Thao	23.059,014
12	Các công việc tư vấn khác	Công ty CP Supe PP và HC Lâm Thao	2.075,211
13	Đào tạo	Công ty CP Supe PP và HC Lâm Thao	550,000
14	Dự phòng		17.982,120
Tổng giá trị: 62.434,779 triệu đồng			

IV. PHÂN CÔNG VIỆC THUỘC KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

1. Biểu kế hoạch lựa chọn nhà thầu

Bảng số 3

TT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (triệu đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện dự án
1	Gói thầu số 1: Tư vấn thiết kế bản vẽ thi công.	2.570,640 (Bao gồm dự phòng: 233,695)	Vốn chủ đầu tư	Đấu thầu rộng rãi	Một giai đoạn hai túi hồ sơ	Tháng 5 năm 2016	Trọn gói	90 ngày
2	Gói thầu số 2: Tư vấn thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công.	252,164	Vốn chủ đầu tư	Chỉ định thầu rút gọn	Một giai đoạn một túi hồ sơ	Tháng 5 năm 2016	Trọn gói	75 ngày
3	Gói thầu số 3: Tư vấn quản lý dự án;	791,333	Vốn chủ đầu tư	Đấu thầu rộng rãi	Một giai đoạn hai túi hồ sơ	Tháng 5 năm 2016	Trọn gói	420 ngày
4	Gói thầu số 4: Giám sát thi công xây lắp	2.130,204	Vốn chủ đầu tư	Tự thực hiện				260 ngày
5	Gói thầu số 5: Xây dựng tổng mặt bằng	5.976,251 (Bao gồm dự phòng: 390,970)	Vốn chủ đầu tư + Vốn vay thương mại	Đấu thầu rộng rãi	Một giai đoạn một túi hồ sơ	Tháng 10 năm 2016	Trọn gói	210 ngày
6	Gói thầu số 6: Xây	6.212,411	Vốn chủ đầu tư	Đấu thầu	Một giai đoạn	Tháng 11 năm 2016	Trọn gói	150 ngày

TT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (triệu đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
	dựng nhà kho nguyên liệu.	(Bao gồm dự phòng: 406,419)	đầu tư + Vốn vay thương mại	rộng rãi	đoạn một túi hồ sơ	năm 2016		ngày
7	Gói thầu số 7: Xây dựng nhà kho sản phẩm	19.346,866(Bao gồm dự phòng: 1.265,683)	Vốn chủ đầu tư + Vốn vay thương mại	Đấu thầu rộng rãi	Một giai đoạn một túi hồ sơ	Tháng 10 năm 2016	Trộn gói	120 ngày
8	Gói thầu số 8: Xây dựng nhà sản xuất chính.	35.614,284(Bao gồm dự phòng: 3.237,662)	Vốn chủ đầu tư + Vốn vay thương mại	Đấu thầu rộng rãi	Một giai đoạn hai túi hồ sơ	Tháng 8 năm 2016	Trộn gói	180 ngày
9	Gói thầu số 9: Chế tạo, lắp đặt thiết bị.	11.214,252(Bao gồm dự phòng: 733,643)	Vốn chủ đầu tư + Vốn vay thương mại	Đấu thầu rộng rãi	Một giai đoạn một túi hồ sơ	Tháng 11 năm 2016	Trộn gói	180 ngày
10	Gói thầu số 10: Cung cấp, lắp đặt đường ống, phối thao, PCCC	8.534,938 (Bao gồm dự phòng: 558,360)	Vốn chủ đầu tư + Vốn vay thương mại	Đấu thầu rộng rãi	Một giai đoạn một túi hồ sơ	Tháng 12 năm 2016	Trộn gói	120 ngày
11	Gói thầu số 11: Cung cấp, lắp đặt Hệ thống thiết bị công nghệ chính; lắp đặt hệ thống điện động lực, đo lường, điều khiển.	82.243,041 (Bao gồm dự phòng: 7.476,640)	Vốn chủ đầu tư + Vốn vay thương mại	Đấu thầu rộng rãi	Một giai đoạn hai túi hồ sơ	Tháng 10 năm 2016	Trộn gói	210 ngày
12	Gói thầu số 12: Cung cấp, lắp đặt thiết bị phụ trợ	9.038,402 (Bao gồm dự phòng: 591,297)	Vốn chủ đầu tư + Vốn vay thương mại	Đấu thầu rộng rãi	Một giai đoạn một túi hồ sơ	Tháng 12 năm 2016	Trộn gói	150 ngày
13	Gói thầu số 13:	8.791,320	Vốn chủ	Đấu thầu	Một giai	Tháng 11	Trộn gói	180

TT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (triệu đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
	Cung cấp lắp đặt thiết bị điện 6 kv	(Bao gồm dự phòng: 575,133)	đầu tư + Vốn vay thương mại	rộng rãi	đoạn một túi hồ sơ	năm 2016		ngày
14	Gói thầu số 14: Lập hồ sơ xác nhận hoàn thành các hạng mục công trình bảo vệ môi trường.	495,000	Vốn chủ đầu tư	Chỉ định thầu rút gọn	Một giai đoạn một túi hồ sơ	Tháng 4 năm 2017	Trọn gói	90 ngày
15	Gói thầu số 15: Bảo hiểm	536,906	Vốn chủ đầu tư	Chào hàng cạnh tranh	Một giai đoạn một túi hồ sơ	Tháng 8 năm 2016	Trọn gói	270 ngày
16	Gói thầu số 16: Kiểm toán	381,393	Vốn chủ đầu tư	Chỉ định thầu rút gọn	Một giai đoạn một túi hồ sơ	Tháng 6 năm 2017	Trọn gói	30 ngày
17	Gói thầu số 17: Rà phá bom mìn.	150,000	Vốn chủ đầu tư	Chỉ định thầu rút gọn	Một giai đoạn một túi hồ sơ	Tháng 5 năm 2016	Trọn gói	30 ngày
Tổng giá trị các gói thầu: 194.279,407 triệu đồng								

V. TỔNG GIÁ TRỊ CÁC PHẦN CÔNG VIỆC

Bảng số 4

TT	Nội dung	Giá trị (Triệu đồng)
1	Tổng cộng phần công việc đã thực hiện:	2.122,842
2	Tổng giá trị phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu	62.434,779
3	Tổng giá trị phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu	194.279,407
Tổng giá trị các phần công việc		258.837,029
Tổng mức đầu tư của dự án		258.837,029

Điều 4. Phê duyệt điều chỉnh dự án Dự án điều chỉnh: “Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất axit sunfuric công suất 300.000 tấn/năm kết hợp phát điện”, cụ thể như sau:

Phê duyệt điều chỉnh "Phương án lựa chọn thiết bị" tại Mục 10 (Phương án đầu tư xây dựng) - Điều 1 - Quyết định phê duyệt dự án điều chỉnh số 688/QĐ-SPLT ngày 30/11/2015 với những nội dung:

Phương án lựa chọn thiết bị:

*** Nhóm N1:**

Bao gồm: các thiết bị bản quyền (do nhà bản quyền công nghệ cung cấp hoặc chỉ định nhà cung cấp): Bộ vòi phun của lò đốt lưu huỳnh; xúc tác; các bộ phân phối axit, thiết bị tách tia bắn, khử mù của các tháp sấy, tháp hấp thụ trung gian, tháp hấp thụ cuối; hệ thống thiết bị làm lạnh axit (bao gồm thiết bị làm lạnh axit sấy và axit hấp thụ trung gian, axit hấp thụ cuối, axit sản phẩm).

Danh mục thiết bị bản quyền trên là theo công nghệ của Monsanto, nếu sử dụng công nghệ của nhà bản quyền khác sẽ theo danh mục thiết bị bản quyền của nhà bản quyền đó.

Nhóm thiết bị này phải đạt tiêu chuẩn của Hãng sản xuất và tiêu chuẩn quốc gia của nước chế tạo thiết bị, đáp ứng yêu cầu của Nhà cung cấp công nghệ.

*** Nhóm N2:**

Bao gồm:

- Quạt thổi khí chính (truyền động bằng động cơ điện), hệ thống DCS, hệ thống các bơm axit tuần hoàn, Turbin, máy phát, bơm cấp nổi hơi, các bơm lưu huỳnh, các bơm nước nhiễm axit và bơm axit thải.

- Các thiết bị thuộc nhóm N1 kể trên nhưng không còn là thiết bị bản quyền khi sử dụng công nghệ của nhà bản quyền không phải Monsanto.

Nhóm này yêu cầu Hãng sản xuất thuộc các nước G7; Xuất xứ G7 hoặc nước khác nhưng phải đạt tiêu chuẩn của Hãng sản xuất.

*** Nhóm N3:**

Bao gồm các thiết bị không thuộc nhóm N1, N2: các máy khuấy lưu huỳnh; các thùng chứa lưu huỳnh; thiết bị lọc lưu huỳnh (kiểu áp lực qua các tấm lọc); hệ thống các băng tải; hệ thống nổi hơi nhiệt thừa; phần thân của các thiết bị: lò đốt lưu huỳnh, tháp tiếp xúc, tháp sấy, tháp hấp thụ trung gian, tháp hấp thụ cuối; hệ thống các thiết bị trao đổi nhiệt; đệm sứ; hệ thống tháp làm nguội nước tuần hoàn (bổ sung). Hệ thống thiết bị quan trắc khí thải liên tục tự động; Hệ thống xử lý khí thải khi khởi động, sự cố...

Nhóm thiết bị này có thể được chế tạo tại Việt Nam hoặc nước khác nhưng phải đạt tiêu chuẩn quốc gia của nước chế tạo thiết bị.

Các nội dung khác của dự án được giữ nguyên theo Quyết định số 688/QĐ-SPLT ngày 30/11/2015, về việc: Phê duyệt Dự án điều chỉnh "Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất Axit sunfuric công suất 300.000 tấn/năm kết hợp phát điện" của Hội đồng quản trị Công ty.

* Giao Tổng Giám đốc chỉ đạo rà soát giá các gói thầu đảm bảo phù hợp với phương án lựa chọn thiết bị trình HĐQT xem xét phê duyệt.

Điều 5. Các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc Công ty CP Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Tập đoàn HCVN (để b/c);
- Các TV.HĐQT;
- Trưởng Ban Kiểm soát;
- TGD, các PTGD;
- Các Đơn vị trong Công ty;
- Lưu Thư ký Công ty, VT.

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Thiệu

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hoá chất Lâm Thao;

Căn cứ Biên bản phiên họp HĐQT lần thứ 11, nhiệm kỳ 2015 - 2020 Công ty cổ phần Supe Phốt phát và Hoá chất Lâm Thao ngày 07/4/2016.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua các báo cáo và tờ trình trình Đại hội đồng cổ đông TN năm 2016.

- Báo cáo của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát Công ty;
- Tờ trình báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2015, phương án phân phối lợi nhuận; chia cổ tức năm 2015 và các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2016;
- Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính 2016;
- Tờ trình sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động;
- Tờ trình về việc phát hành cổ phiếu tăng vốn Điều lệ từ nguồn quỹ đầu tư phát triển và quỹ khác thuộc Vốn chủ sở hữu;
- Tờ trình báo sự HĐQT, Ban kiểm soát;
- Chương trình chi tiết Đại hội, các quỹ chế và các nội dung khác có liên quan đến công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.

Điều 2. Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh quý I/2016, các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu quý II/2016.

ST T	Chỉ tiêu	Quý I/2016	Đại % so với		Quý II/2016
			Cùng kỳ	Kế hoạch năm	
1	Doanh thu (tỷ đồng)	1.004	72,39	20,16	1.187
2	Giá trị sản xuất công nghiệp theo giá thực tỷ đồng)	1.035.418	94,88	21,83	1.155